TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN D** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độclập - Tự do - HạnhPc**
Số:73/2021/QĐST-HNGĐ	*D, ngày21tháng10năm2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 97/2021/TLST-HNGĐ ngày 08tháng 10 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn:Anh Trần Văn P; nơi ĐKHKTT: T, G, H; chỗ ở hiệntại: KhuTiểuTrà, phườngHưngĐạo, quậnD, thànhphốH

Bị đơn: Chị Phạm Thị NhaT; nơi ĐKHKTT: S, L, Q B; chỗ ở hiệntại: KhuPD, phườngQ, quậnD, thànhphốH.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 10 năm 2021

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 10 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Văn Pvàchị Phạm Thị NhaT.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn Pvàchị Phạm Thị NhaTthuận tình ly hôn.

Về con chung: Vợchồngcó01 con chung là cháu Trần Kỳ Nhân D, sinh ngày 25-3-2019. Khi ly hôn vợ chồng thỏa thuận giao con chung là cháu Trần Kỳ Nhân D cho chị NhaTtrựctiếpnuôidưỡngchođếnkhi con đủ 18 tuổihoặccósựthayđổikháctheoquyđịnhcủaphápluật.

Vềnghĩavụcấpdưỡngnuôi con chung: AnhTrầnVănPcónghĩavụcấpdưỡngnuôi con chungmỗitháng 2.000.000 (haitriệu) đồngtừtháng10năm 2021 chođếnkhicháuTrần Kỳ Nhân Dđủ 18 tuổihoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Khoảntiềncấpdưỡngnuôi con đượcthihànhngaymặcdùcóthểbịkhiếunại, khángnghị, kiếnnghị. Sau khi Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền phải thi hành, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, khôngyêucầuTòaángiảiquyết

Về án phí ly hôn sơ thẩm: AnhTrầnVănPtựnguyệnnộp cả150.000(một trăm năm mươi nghìn) đồngán phí ly hôn sơ thẩm và 150.000(một trăm năm mươi nghìn) đồngán phí cấpdưỡngnuôi con chung, tổngcộnglà 300.000 (ba trăm nghìn)đồng nhưng được trừ vào số tiền 300.000(ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số 0003505 ngày 08-10-2021 tại Chi cục Thi hành án dân sựquận D, thành phố H. AnhTrầnVănPđã nộp đủ án phí.

3.Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục Pc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơinhận:
- Đươngsự (đểthihành);
- TAND thànhphốH;
- VKSND quậnD;
- VKSND thànhphốH;
- UBND xãT, huyệnG, tỉnhH (Giấy CNKH số 51/2018);
- Chi cục THADS quậnD;
- Lưu: Hồsơ, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Song Hải

Hướng dẫn sử dụng mẫu số40-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tuỳ theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.

(3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.

(4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).

án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tuỳ theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.

(3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.

(4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).